

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201508 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030818	36CXD4	Nguy n V ấ Anh	23/03/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
2	3671030781	36CXD4	Nguy n V ấ C u	11/06/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
3	3671030784	36CXD4	Lê Bá C ng	01/07/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
4	3671030823	36CXD4	Tr n Ho ấ Tr ấ C ng	01/12/1994				3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
5	3671030804	36CXD4	L ng Ng c Chí	15/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671030761	36CXD4	Hu nh Thanh Chứ c	10/01/1994				3.0			3.0	0.9	0.5	0.4	1.3	
7	3671030788	36CXD4	Nguy n C ấ ng Duy	08/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3671030502	36CXD4	Nguy n Qu c Duy	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
9	3671030899	36CXD4	Lê Anh D ấ g	09/09/1994				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
10	3671030852	36CXD4	Nguy n Tr n ấ i	01/11/1993				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
11	3671030847	36CXD4	Ho ầ ng Minh ấ c	20/02/1993				5.0			5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
12	3671030902	36CXD4	Nguy n Anh ấ c	14/10/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
13	3671030766	36CXD4	Hu nh Tam Giang	27/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
14	3671030786	36CXD4	Lê Xu ầ n Hi u	09/02/1992				4.0			4.0	1.2	0.5	0.4	1.6	
15	3671030861	36CXD4	Nguy n Ng c Hi u	12/10/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
16	3671032008	36CXD4	Nguy n Thanh Kh i Ho ầ ng	26/02/1994				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
17	3671030896	36CXD4	Võ Minh Ho ầ ng	02/09/1994				4.0			4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	
18	3671030798	36CXD4	Nguy n Th ấ i Hòa	17/02/1991				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
19	3671030866	36CXD4	H ấ o ấ Qu c Huy	26/04/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201508 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030762	36CXD4	Tr n V ấ H ng	11/08/1993				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
21	3671030895	36CXD4	Nguy n Quang K m Kĩ t	13/06/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
22	3671030846	36CXD4	Nguy n Vi t L c	24/09/1994				3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
23	3671030756	36CXD4	V ấ V ấ M n	06/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
24	3671031603	36CXD4	Tr ng Cao Minh	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3671030882	36CXD4	Ph m Tr n Th ấ Nh Nam	30/09/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
26	3671030887	36CXD4	Nguy n V ấ Ngoan	17/04/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
27	3671030752	36CXD4	Phan Phong Nh ấ	05/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3671030840	36CXD4	L 2 Tr ng Nh ấ n	14/05/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
29	3671030735	36CXD4	Nguy n V ấ Ph ấ t	10/08/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
30	3671031870	36CXD4	Nguy n Thanh Phong	07/01/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
31	3671030862	36CXD4	Nguy n Ho ấ Ph ấ	29/01/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
32	3671031952	36CXD4	Lê Duy Ph ng	12/09/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
33	3671030879	36CXD4	Nguy n V ấ Ph ng	20/01/1993				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
34	3671030729	36CXD4	Nguy n Minh Quang	23/06/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
35	3671030758	36CXD4	Th Quang Rim	15/10/1993				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
36	3671030807	36CXD4	Bùi Thanh Sang	14/03/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
37	3671030789	36CXD4	Nguy n Ng c Tài	19/07/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
38	3671030727	36CXD4	Hu ấ V ấ Tâm	17/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201508 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030875	36CXD4	L² H u Tâm	24/02/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
40	3671030836	36CXD4	ấ ng Th ấ h Tân	21/01/1994				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
41	3671030802	36CXD4	Nguy n V ấ h Tiên	08/05/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
42	3671030799	36CXD4	Nguy n Ph m Minh Tĩ n	23/04/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
43	3671030868	36CXD4	Lý Chánh Tĩn	26/03/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
44	3671032050	36CXD4	Nguy n ấ c Tĩnh	29/07/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
45	3671030893	36CXD4	Ng» B o Toàn	28/05/1991				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
46	3671030774	36CXD4	Nguy n ấ c Toàn	07/08/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
47	3671030821	36CXD4	Ću D ng Tu n	12/08/1994				3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
48	3671030876	36CXD4	Th p V ấ h Tuy n	20/03/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
49	3671030734	36CXD4	ấ o ấ Thanh Tú	16/01/1993				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
50	3671030772	36CXD4	Tr n V ấ h Thao	06/12/1993				4.0			4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
51	3671030777	36CXD4	Nguy n Ch ng Th ng	18/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
52	3671030870	36CXD4	Tr n V ấ h Th nh	25/01/1994				0.0			0.0	0.0	1.5	1.1	1.1	
53	3671030792	36CXD4	Tr n Th Th ng	19/03/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
54	3671030873	36CXD4	Ng» V ấ h Trung	07/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	3671030730	36CXD4	Nguy n Th V ấ h	04/03/1994				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	

T ñg s : 55 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa